

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT CẦN THƠ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Lãnh đạo	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được kiểm toán	05 - 24
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	09 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty TNHH Nhà nước Một Thành viên Xổ số Kiến thiết Cần Thơ (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

CÔNG TY

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 1800157562 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 25 tháng 11 năm 2008, thay đổi lần thứ 10 ngày 07 tháng 08 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty: 29 Cách Mạng Tháng 8, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ.

BAN LÃNH ĐẠO VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

Các thành viên của Ban Lãnh đạo và Kiểm soát viên đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Minh Tâm	Chủ tịch Công ty
Bà Nguyễn Thị Ánh Xuân	Giám đốc Công ty
Ông Lê Minh Huy	Phó Giám đốc
Ông Phạm Hoàng Hải	Phó Giám đốc
Ông Đặng Thanh Tùng	Phó Giám đốc
Bà Bùi Thị Yến Ni	Kế toán trưởng
Bà Võ Thị Hồng Đoan	Kiểm soát viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Thay mặt Ban Lãnh đạo

Trần Minh Tâm

Chủ tịch

Cần Thơ, ngày 24 tháng 07 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Ban Lãnh đạo**
Công ty TNHH Nhà nước Một Thành viên Xổ số Kiến thiết Cần Thơ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty TNHH Nhà nước Một Thành viên Xổ số Kiến thiết Cần Thơ được lập ngày 24 tháng 07 năm 2023, từ trang 5 đến trang 24, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính giữa niên độ do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Nhà nước Một Thành viên Xổ số Kiến thiết Cần Thơ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Đỗ Mạnh Cường

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0744-2023-002-1

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2023

Hoàng Đức Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 4876-2019-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		902.756.658.114	664.282.612.685
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		56.491.658.995	46.699.918.389
111	1. Tiền	3	56.491.658.995	46.699.918.389
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	525.000.000.000	335.000.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		525.000.000.000	335.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		307.287.567.946	277.835.185.120
131	1. Phải thu của khách hàng	5	302.812.813.500	272.714.568.207
132	2. Trả trước cho người bán	6	1.536.080.821	663.769.546
135	3. Các khoản phải thu khác	7	2.994.809.590	4.512.983.332
139	4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi		(56.135.965)	(56.135.965)
140	IV. Hàng tồn kho		12.861.747.482	4.571.594.123
141	1. Hàng tồn kho	8	12.861.747.482	4.571.594.123
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.115.683.691	175.915.053
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	934.584.883	120.344.999
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		74.329.159	55.570.054
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	1.769.649	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		105.000.000	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		356.937.529.523	363.717.524.817
220	I. Tài sản cố định		196.767.990.079	202.530.055.446
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	196.272.198.224	201.505.328.963
222	- Nguyên giá		289.529.673.662	288.911.046.199
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(93.257.475.438)	(87.405.717.236)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	495.791.855	544.002.083
228	- Nguyên giá		1.029.032.909	1.029.032.909
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(533.241.054)	(485.030.826)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	480.724.400
240	II. Bất động sản đầu tư	11	89.881.915.504	91.719.359.332
241	- Nguyên giá		111.571.911.159	111.571.911.159
242	- Giá trị hao mòn lũy kế		(21.689.995.655)	(19.852.551.827)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	4	30.875.865.560	30.875.865.560
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		19.461.833.162	19.461.833.162
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		22.169.400.000	22.169.400.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(10.755.367.602)	(10.755.367.602)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		39.411.758.380	38.592.244.479
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	39.411.758.380	38.592.244.479
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.259.694.187.637	1.028.000.137.502

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		624.790.092.236	393.096.042.101
310	I. Nợ ngắn hạn		624.143.510.636	392.451.062.101
312	1. Phải trả người bán		8.056.800	172.800.000
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	431.288.856.358	209.005.851.952
315	3. Phải trả người lao động		-	14.994.158.284
316	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	235.030.606
319	5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14	4.000.531.572	243.397.771
321	6. Dự phòng rủi ro trả thường	15	178.415.393.600	152.092.473.600
323	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		10.430.672.306	15.707.349.888
330	II. Nợ dài hạn		646.581.600	644.980.000
333	1. Phải trả dài hạn khác	14	646.581.600	644.980.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		634.904.095.401	634.904.095.401
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	634.904.095.401	634.904.095.401
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		634.904.095.401	634.904.095.401
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.259.694.187.637	1.028.000.137.502

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Chỉ tiêu	Thuyết minh	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
1. Công cụ dụng cụ lâu bền đang sử dụng		7.360.370.780	7.353.370.780
2. Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp		407.284.942.604	408.708.871.276
3. Doanh số phát hành xổ số kiến thiết		120.240.000.000	120.360.000.000

Phan Kim Ngọc
Người lập biểu

Bùi Thị Yến Ni
Kế toán trưởng

Trần Minh Tâm
Chủ tịch

Cần Thơ, ngày 24 tháng 07 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết t minh	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu	18	2.911.021.968.728	2.550.144.046.557
01.1	1.1. Doanh thu kinh doanh xổ số		2.909.074.672.728	2.547.725.227.273
01.1.1	1.1.1. Xổ số truyền thống		2.909.074.672.728	2.547.725.227.273
01.2	1.2. Doanh thu kinh doanh khác		1.947.296.000	2.418.819.284
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	379.444.522.528	332.311.986.166
02.1	2.1. Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số		379.444.522.528	332.311.986.166
02.1.1	2.1.1. Xổ số truyền thống		379.444.522.528	332.311.986.166
10	3. Doanh thu thuần		2.531.577.446.200	2.217.832.060.391
10.1	3.1. Doanh thu thuần kinh doanh xổ số		2.529.630.150.200	2.215.413.241.107
10.1.1	3.1.1. Xổ số truyền thống		2.529.630.150.200	2.215.413.241.107
10.2	3.2. Doanh thu thuần kinh doanh khác		1.947.296.000	2.418.819.284
11	4. Chi phí kinh doanh	20	2.104.093.138.116	1.836.404.800.076
11.1	4.1. Chi phí kinh doanh xổ số		2.098.401.596.074	1.830.797.578.988
11.1.1	4.1.1. Chi phí trả thưởng		1.555.127.800.000	1.378.083.100.000
11.1.2	4.1.2. Chi phí trực tiếp phát hành xổ số		543.273.796.074	452.714.478.988
11.2	4.2. Giá vốn hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đã bán		5.691.542.042	5.607.221.088
20	5. Lợi nhuận gộp		427.484.308.084	381.427.260.315
20.1	5.1. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh xổ số		431.228.554.126	384.615.662.119
20.2	5.2. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ khác		(3.744.246.042)	(3.188.401.804)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.700.502.206	2.871.982.103
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
24	8. Chi phí bán hàng		-	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	59.376.886.123	43.161.650.953
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		369.807.924.167	341.137.591.465
31	11. Thu nhập khác	23	709.667.842	794.498.530
32	12. Chi phí khác		224.786.861	196.383.802
40	13. Lợi nhuận khác		484.880.981	598.114.728
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		370.292.805.148	341.735.706.193
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24	74.058.561.029	68.347.141.239
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		296.234.244.119	273.388.564.954

Phan Kim Ngọc
Người lập biểu

Bùi Thị Yến Ni
Kế toán trưởng



Trần Minh Tâm
Chủ tịch

Cần Thơ, ngày 24 tháng 07 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU		Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2023 VND	6 tháng đầu năm 2022 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		3.172.019.217.434	2.729.301.429.551
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(2.069.718.035.301)		(1.822.368.900.133)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(32.365.238.232)		(28.136.687.507)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(58.041.660.629)		(40.491.509.530)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	60.893.186.063		64.767.931.046
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(782.349.258.030)		(649.755.219.471)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		290.438.211.305	253.317.043.956
II. LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(618.627.463)	(563.920.000)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(275.000.000.000)		(290.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	85.000.000.000		210.000.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	3.192.091.248		3.985.499.913
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(187.426.536.215)	(76.578.420.087)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(93.219.934.484)		(191.573.022.189)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(93.219.934.484)	(191.573.022.189)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		9.791.740.606	(14.834.398.320)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		46.699.918.389	66.947.833.520
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	56.491.658.995	52.113.435.200





Phan Kim Ngọc
Người lập biểu

Bùi Thị Yến Ni
Kế toán trưởng

Trần Minh Tâm
Chủ tịch
Cần Thơ, ngày 24 tháng 07 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 1800157562 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 25 tháng 11 năm 2008, thay đổi lần thứ 10 ngày 07 tháng 08 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty tại 29 Cách Mạng Tháng 8, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh: Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là hoạt động xổ số, cá cược, đánh bạc.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 10 ngày 07/08/2020 là:

- Kinh doanh Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc;
- Kinh doanh dịch vụ nhà khách, nhà hàng;
- Quảng cáo;
- Cho thuê văn phòng...

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Từ tháng 01 năm 2023, Bộ Tài chính cho phép Công ty phát hành 12 triệu vé/kỳ dẫn đến doanh thu, chi phí 06 tháng năm 2023 của Công ty tăng so với 06 tháng năm 2022.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty TNHH Nhà nước Một Thành viên Xổ số Kiến thiết Cần Thơ - Nhà khách - Trạm giao dịch Vé số kiến thiết Cần Thơ	Tổ 2, Ấp Cửa Lấp, Xã Dương Tơ, Thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang	Kinh doanh dịch vụ Nhà khách

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và bao gồm cả hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty xổ số kiến thiết được Bộ Tài chính ban hành tại Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19/08/2009.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.5 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác: khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng, với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15	năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10	năm
- Cây lâu năm	04	năm
- Các tài sản khác	06 - 10	năm
- Phần mềm quản lý	05	năm
- Quyền sử dụng đất	Không	thời hạn

2.9 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50	năm
--------------------------	---------	-----

2.10 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng từ 01 đến 03 năm.
- Giá trị lợi thế vị trí địa lý quyền thuê đất được phân bổ theo thời gian sử dụng đất còn lại sau khi nhận chuyển nhượng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm. Riêng với phí phát sinh để có được khoản góp vốn vào Công ty CP Dầu khí MeKong sẽ được kết chuyển một lần vào chi phí khi thanh lý khoản đầu tư.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14 . Dự phòng rủi ro trả thưởng

Theo quy định tại Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số, điều kiện được trích lập dự phòng rủi ro trả thưởng là khi trong kỳ trích lập doanh nghiệp kinh doanh xổ số có tỷ lệ trả thưởng thực tế nhỏ hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch của từng loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Theo Thông tư số 75/2013/TT-BTC ngày 04/06/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết về hoạt động kinh doanh xổ số, tỷ lệ trả thưởng đối với xổ số truyền thống là 50%.

Việc trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng được tạm trích lập theo quý và thực hiện quyết toán khi kết thúc năm tài chính.

Doanh nghiệp kinh doanh xổ số sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng để trả thưởng khi tỷ lệ trả thưởng thực tế trong kỳ lớn hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch. Trường hợp quỹ dự phòng trả thưởng không còn đủ để chi thì phần trả thưởng thực tế còn lại được tính vào chi phí kinh doanh.

Mức trích lập được xác định như sau: $DP_{tt} = DT \times TL_{kh} - TT_{tt}$

Trong đó:

- DP_{tt} : Mức trích dự phòng trả thưởng của từng loại hình xổ số;
- DT : Tổng doanh thu có thuế của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập;
- TL_{kh} : Tỷ lệ trả thưởng kế hoạch trong kỳ trích lập theo quy định đối với từng loại hình xổ số;
- TT_{tt} : Tổng giá trị trả thưởng thực tế đã thanh toán cho khách hàng trúng thưởng của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập thuộc trách nhiệm chi trả của doanh nghiệp kinh doanh xổ số;

- Đối với các công ty xổ số kiến thiết hoạt động kinh doanh tại khu vực miền Nam, mức trích lập phải đảm bảo tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng tối đa không vượt quá 3% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập tại thời điểm trích lập. Trường hợp tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng trong kỳ vượt giới hạn trên, doanh nghiệp kinh doanh xổ số phải hoàn nhập vào thu nhập khác. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được phân phối theo các quy định tại Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

2.16 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là thuế tiêu thụ đặc biệt của xổ số.

2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.19 . Ghi nhận chi phí tiền lương

Quỹ tiền lương thực hiện của viên chức quản lý được xác định tuân thủ theo hướng dẫn tại Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ và Thông tư số 27/2016/TT-BLDTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động được xác định tuân thủ theo hướng dẫn tại Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ và Thông tư số 26/2016/TT-BLDTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí liên quan đến dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác. Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.23 . Thông tin bộ phận

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực xổ số, đồng thời toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	5.295.774.071	2.598.722.589
Tiền gửi ngân hàng	51.195.884.924	44.101.195.800
	56.491.658.995	46.699.918.389

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	525.000.000.000	335.000.000.000
	525.000.000.000	335.000.000.000

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

a) Đầu tư ngắn hạn (tiếp theo)

(*) Tại ngày 30/06/2023, tiền gửi ngân hàng nắm giữ đến ngày đáo hạn là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,2%/năm đến 10,1%/năm, chi tiết bao gồm:

	30/06/2023
	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	
- Chi nhánh Cần Thơ	65.000.000.000
- Chi nhánh Tây Đô	85.000.000.000
- Chi nhánh Hàm Nghi	10.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	80.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ II	80.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á - Chi nhánh Cần Thơ	20.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam	
- Chi nhánh Cần Thơ	85.000.000.000
- Chi nhánh Tây Đô	45.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	20.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Cần Thơ	10.000.000.000
Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội Thành phố Cần Thơ	5.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu - Chi nhánh Cần Thơ	20.000.000.000
	525.000.000.000

b) Đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty liên doanh	19.461.833.162	(4.503.279.525)	19.461.833.162	(4.503.279.525)
Công ty khác	22.169.400.000	(6.252.088.077)	22.169.400.000	(6.252.088.077)
	41.631.233.162	(10.755.367.602)	41.631.233.162	(10.755.367.602)

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty tại ngày 30/06/2023 như sau:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Đầu tư vào công ty liên doanh				
Công ty TNHH Victoria Cần Thơ	TP. Cần Thơ	40,0%	40,0%	Khách sạn
Đầu tư vào công ty khác				
Công ty Cổ phần Dầu khí Mekong	TP. Cần Thơ	4,3%	4,3%	Xăng dầu

Công ty đang thực hiện thoái vốn đối với các khoản đầu tư vào Công ty TNHH Victoria Cần Thơ và Công ty Cổ phần Dầu khí Mekong theo Quyết định số 529/QĐ-UBND ngày 01/03/2023 Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt đề án tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2021-2025. Theo đó, thời gian thực hiện thoái vốn kể từ ngày ký đến hết năm 2025.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng là bên khác		
Đại lý xổ số truyền thống	302.803.213.500	272.617.937.500
- Đại lý Mai Hữu Ảnh	59.969.100.000	54.059.044.200
- Đại lý Trương Thị Ngọc Thủy	21.236.400.000	19.241.999.875
- Đại lý Trương Văn Sơn	17.176.500.000	15.563.625.000
- Phải thu các đại lý khác	204.421.213.500	183.753.268.425
Khách hàng khác	9.600.000	96.630.707
	302.812.813.500	272.714.568.207

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Công ty CP Tư vấn Thiết kế Đầu tư Xây dựng Tân Phú Thịnh	-	187.889.220
- Công ty TNHH Thời trang Elise	108.186.000	239.808.600
- Công ty TNHH MTV May thuê và In ấn LUCKY	594.000.000	-
- Công ty CP Xây dựng Trúc Xanh	279.807.000	-
- Các đối tượng khác	554.087.821	236.071.726
	1.536.080.821	663.769.546

7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Lãi dự thu tiền gửi	2.061.273.972	3.552.863.014
- Phải thu giảm giá trị quyết toán công trình	905.426.083	905.426.083
- Phải thu khác	28.109.535	54.694.235
	2.994.809.590	4.512.983.332

8 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	13.733.124	14.450.164
- Hàng quảng cáo, biếu tặng	10.362.223.850	1.989.382.015
- Công cụ, dụng cụ	64.262.219	147.589.419
- Hàng hóa	21.528.289	20.172.525
- Vé xổ số	2.400.000.000	2.400.000.000
	12.861.747.482	4.571.594.123

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem chi tiết Phụ lục 01.

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá TSCĐ			
Số dư đầu kỳ	429.750.000	599.282.909	1.029.032.909
Số dư cuối kỳ	429.750.000	599.282.909	1.029.032.909
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	485.030.826	485.030.826
- Khấu hao trong kỳ	-	48.210.228	48.210.228
Số dư cuối kỳ	-	533.241.054	533.241.054
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	429.750.000	114.252.083	544.002.083
Tại ngày cuối kỳ	429.750.000	66.041.855	495.791.855

(*) Quyền sử dụng đất vô thời hạn tại nhà số 164F, Điện Biên Phủ, Phường 6, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Mục đích sử dụng làm văn phòng làm việc và trạm giao dịch vé xổ kiến thiết Cần Thơ.

11 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà VND	Cơ sở hạ tầng VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	82.529.762.668	29.042.148.491	111.571.911.159
Số dư cuối kỳ	82.529.762.668	29.042.148.491	111.571.911.159
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	9.119.355.367	10.733.196.460	19.852.551.827
- Khấu hao trong kỳ	826.383.570	1.011.060.258	1.837.443.828
Số dư cuối kỳ	9.945.738.937	11.744.256.718	21.689.995.655
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	73.410.407.301	18.308.952.031	91.719.359.332
Tại ngày cuối kỳ	72.584.023.731	17.297.891.773	89.881.915.504

Bất động sản đầu tư là văn phòng cho thuê gồm 7 tầng từ tầng 9-16 (trừ tầng thứ 13) của tòa nhà tại số 29 đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ được sử dụng với mục đích cho thuê văn phòng với tổng diện tích là 3.444,65 m².

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngắn hạn		
- Chi phí sửa chữa	934.584.883	120.344.999
	934.584.883	120.344.999
Dài hạn		
- Chi phí nhận chuyển nhượng đầu tư (1)	7.231.441.373	7.075.885.818
- Giá trị lợi thế vị trí địa lý quyền thuê đất (2)	30.867.800.365	31.367.010.073
- Chi phí sửa chữa, xuất dùng CCDC	1.312.516.642	149.348.588
	39.411.758.380	38.592.244.479

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (tiếp theo)

Dài hạn (tiếp theo)

(1) Là chi phí phát sinh để có được khoản góp vốn vào Công ty CP Dầu khí MeKong và được hạch toán theo hướng dẫn của Sở Tài chính ngày 09/06/2010. Do Công ty đang trong quá trình thoái vốn nên chi phí này sẽ được kết chuyển một lần vào chi phí khi thanh lý khoản đầu tư (Thuyết minh 4). Chi phí tăng lên trong năm là tiền thuê đất năm 2023.

(2) Giá trị lợi thế vị trí địa lý quyền thuê đất được ghi nhận (cùng với tài sản gắn liền với đất có tổng giá trị chuyển nhượng là 87.874.982.000 đồng) theo Hợp đồng chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất giữa Chi nhánh Công ty TNHH MTV Nông Sản Xuất nhập khẩu Cần Thơ - Cửa Long Phú Quốc Resort với Chi nhánh Nhà khách - Trạm giao dịch VSKT tại Phú Quốc ngày 24 tháng 12 năm 2012. Ngoài hợp đồng chuyển nhượng này, Chi nhánh Nhà khách còn phải trả tiền thuê đất hàng năm với UBND tỉnh Kiên Giang, thời gian sử dụng là 40 năm.

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Xem chi tiết Phụ lục 02.

14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Phải trả hoa hồng đại lý	3.599.987.250	-
- Phải trả khác	400.544.322	243.397.771
	4.000.531.572	243.397.771
Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn của các công ty thuê văn phòng làm việc tại trụ sở Công ty	646.581.600	644.980.000
	646.581.600	644.980.000

15 . DỰ PHÒNG RỦI RO TRẢ THƯỜNG

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
- Dự phòng rủi ro trả thường đầu kỳ	152.092.473.600	104.257.008.600
- Tạm trích lập bổ sung trong kỳ	26.322.920.000	-
	178.415.393.600	104.257.008.600

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
06 tháng đầu năm 2022			
Số dư đầu kỳ trước	634.904.095.401	-	634.904.095.401
Lãi trong kỳ trước	-	273.388.564.954	273.388.564.954
Trích lập các quỹ	-	(3.900.000.000)	(3.900.000.000)
Nộp lợi nhuận còn lại về Ngân sách	-	(269.488.564.954)	(269.488.564.954)
Số dư cuối kỳ trước	634.904.095.401	-	634.904.095.401
06 tháng đầu năm 2023			
Số dư đầu kỳ này	634.904.095.401	-	634.904.095.401
Lãi trong kỳ này	-	296.234.244.119	296.234.244.119
Trích lập các quỹ (*)	-	(4.500.000.000)	(4.500.000.000)
Nộp lợi nhuận còn lại về Ngân sách (*)	-	(291.734.244.119)	(291.734.244.119)
Số dư cuối kỳ này	634.904.095.401	-	634.904.095.401

(*) Công ty thực hiện tạm trích các quỹ trong năm theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ %	Đầu kỳ VND	Tỷ lệ %
Vốn góp của Nhà nước	634.904.095.401	100,00	634.904.095.401	100,00
	634.904.095.401	100,00	634.904.095.401	100,00

17 . CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê đất và trả tiền thuê hàng năm theo thông báo của Cơ quan thuế chi tiết như sau:

Khu đất	Hợp đồng	Mục đích sử dụng	Thời gian	Diện tích (m2)
Số 29 Cách Mạng Tháng Tám, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, Cần Thơ	Hợp đồng số 64/HĐTĐ-2012 ngày 11/10/2012	Làm trụ sở Công ty, cho thuê	50 năm	1.306,20
Thửa đất tại xã Dương Tơ, Thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang	Hợp đồng số 40,42/HĐTĐ ngày 18/08/2014	Kinh doanh	40 năm	9.835,70

18 . DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Doanh thu kinh doanh xổ số truyền thống	2.909.074.672.728	2.547.725.227.273
Doanh thu cung cấp kết quả xổ số	35.454.546	50.681.819
Doanh thu cho thuê phòng	265.668.182	725.125.891
Doanh thu nhà hàng	91.911.819	371.914.123
Doanh thu kinh doanh bất động sản	1.550.706.909	1.263.108.730
Doanh thu khác	3.554.544	7.988.721
	2.911.021.968.728	2.550.144.046.557

19 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Thuế TTĐB của xổ số truyền thống	379.444.522.528	332.311.986.166
	379.444.522.528	332.311.986.166

20 . CHI PHÍ KINH DOANH

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí kinh doanh xổ số	2.098.401.596.074	1.830.797.578.988
- Chi phí trả thưởng	1.555.127.800.000	1.378.083.100.000
- Chi phí trực tiếp phát hành xổ số (*)	543.273.796.074	452.714.478.988
Giá vốn dịch vụ phòng	3.372.957.848	2.999.321.265
Giá vốn nhà hàng	315.593.048	427.470.673
Giá vốn kinh doanh bất động sản	2.002.991.146	2.180.429.150
	2.104.093.138.116	1.836.404.800.076

(*) Chi tiết các khoản chi phí trực tiếp phát hành xổ số như sau:

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
1. Chi phí cho các đại lý	482.200.614.120	421.789.777.500
1.1. Hoa hồng đại lý bán vé	479.997.321.000	420.374.662.500
1.2. Chi phí ủy quyền trả thưởng	2.203.293.120	1.415.115.000
2. Chi phí phục vụ xổ số	378.579.568	421.019.103
3. Chi phí quay số mở thưởng, khấu hao thiết bị	894.750.568	982.750.568
4. Chi phí chống số đề	116.000.000	80.000.000
5. Chi phí dự phòng rủi ro trả thưởng	26.322.920.000	-
6. Chi phí giấy và công in vé xổ số	32.000.000.000	28.080.000.000
7. Chi phí thông tin kết quả mở thưởng	1.300.931.818	1.300.931.817
8. Chi phí đóng góp hoạt động XSKT khu vực	60.000.000	60.000.000
	543.273.796.074	452.714.478.988

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.700.502.206	2.871.982.103
	1.700.502.206	2.871.982.103

Phần lãi tiền gửi trên chưa bao gồm lãi dự thu của các khoản tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh 04) tại thời điểm 30/06 và sẽ được hạch toán vào cuối năm tài chính.

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	21.405.525.223	19.033.294.900
Chi phí đồ dùng văn phòng	482.652.127	654.308.778
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.895.144.740	3.858.951.335
Thuế, phí, và lệ phí	972.241.842	570.925.504
Chi phí công tác an sinh xã hội	7.870.000.000	5.085.034.000
Chi phí quảng cáo	12.763.798.281	4.751.118.476
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.139.717.472	4.154.641.932
Chi phí khác bằng tiền	6.847.806.438	5.053.376.028
	59.376.886.123	43.161.650.953

23 . THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Bán giấy phế liệu	330.287.272	464.338.182
Tiền sử dụng điện của các Công ty thuê văn phòng	262.616.932	242.487.619
Tiền thu hộ vé ế	96.363.638	87.272.729
Thu nhập khác	20.400.000	400.000
	709.667.842	794.498.530

24 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	370.292.805.148	341.735.706.193
Thu nhập chịu thuế TNDN	370.292.805.148	341.735.706.193
Chi phí thuế TNDN hiện hành (Thuế suất 20%)	74.058.561.029	68.347.141.239
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	20.639.085.414	4.790.887.957
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(58.041.660.629)	(40.491.509.530)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	36.655.985.814	32.646.519.666

25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

26 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
- Thu nhập của Ban Lãnh đạo	1.593.600.000	1.459.200.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

27 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


Phan Kim Ngọc
Người lập biểu


Bùi Thị Yến Ni
Kế toán trưởng



Trần Minh Tâm
Chủ tịch
Cần Thơ, ngày 24 tháng 07 năm 2023

Phụ lục 01 : TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cây lâu năm VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá							
Số dư đầu kỳ	206.445.846.212	65.830.080.195	9.247.215.404	7.133.722.570	96.000.000	158.181.818	288.911.046.199
- Mua trong kỳ	-	-	-	618.627.463	-	-	618.627.463
Số dư cuối kỳ	206.445.846.212	65.830.080.195	9.247.215.404	7.752.350.033	96.000.000	158.181.818	289.529.673.662
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu kỳ	41.716.619.214	33.192.751.724	7.778.774.738	4.530.223.100	56.000.000	131.348.460	87.405.717.236
- Khấu hao trong kỳ	2.724.027.760	2.364.698.052	376.889.124	370.643.268	12.000.000	3.499.998	5.851.758.202
Số dư cuối kỳ	44.440.646.974	35.557.449.776	8.155.663.862	4.900.866.368	68.000.000	134.848.458	93.257.475.438
Giá trị còn lại							
Tại ngày đầu kỳ	164.729.226.998	32.637.328.471	1.468.440.666	2.603.499.470	40.000.000	26.833.358	201.505.328.963
Tại ngày cuối kỳ	162.005.199.238	30.272.630.419	1.091.551.542	2.851.483.665	28.000.000	23.333.360	196.272.198.224

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết còn sử dụng: 12.219.735.261 VND.

Phụ lục 02 : THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2023		Trong kỳ		30/06/2023	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã thực nộp VND	Số phải thu VND	Số phải nộp VND
- Thuế Giá trị gia tăng	-	39.535.579.067	286.033.961.690	284.038.404.887	-	41.531.135.870
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-	52.155.409.953	379.444.522.528	374.700.000.000	-	56.899.932.481
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	20.639.085.414	74.058.561.029	58.041.660.629	-	36.655.985.814
- Phải nộp ngân sách lợi nhuận còn lại	-	78.219.934.484	291.734.244.119	93.219.934.484	-	276.734.244.119
- Thuế Thu nhập cá nhân đại lý vé số	-	3.299.951.400	24.110.030.706	23.809.994.856	-	3.599.987.250
- Thuế Thu nhập cá nhân cán bộ - công nhân viên và thù lao ngoài (i)	-	533.891.634	4.173.597.986	4.203.878.445	1.769.649	505.380.824
- Thuế Thu nhập cá nhân người trúng thưởng	-	14.622.000.000	81.901.967.273	81.161.777.273	-	15.362.190.000
- Thuế Nhà đất và tiền thuê đất	-	-	1.348.167.826	1.348.167.826	-	-
- Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
	-	209.005.851.952	1.142.809.053.157	920.527.818.400	1.769.649	431.288.856.358

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

(i) Trong 6 tháng đầu năm 2023, Công ty đã được hoàn thuế thu nhập cá nhân của Người quản lý, Kiểm soát viên và người lao động số tiền 622.843.117 VND.

